

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TIỀN PHONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN TIỀN PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110471509

3. Ngày thành lập: 08/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, Tòa nhà Viwaseen Tower, Số 46, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0583959157

Fax:

Email: cty.xdbds.tienphong23@gmail.com Website: om

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: – Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: - Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự, - Lắp đặt thiết bị nội thất,	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Khoan địa chất công trình xây dựng cầu đường (Theo Điều 153 Luật Xây dựng 2014, Điều 91 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)	4390

5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Hoạt động đại lý bán hàng hưởng hoa hồng thực hiện theo ủy quyền hoặc nhân danh tài khoản giao dịch của bên ủy quyền hoặc giao đại lý về các loại hàng hóa.(Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản (trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng)	4620
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự (trừ kinh doanh được phẩm và dụng cụ y tế).	4649
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt thép. Bán buôn nhôm, đồng, inox, kẽm (trừ mua bán vàng miếng).	4662
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn các loại sơn nước, sơn dầu, bột trét tường, thiết bị trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, nguyên liệu gỗ, sản phẩm gỗ. (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	4663
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn cao su, tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc, vải nhám, bao bì, bột giấy và sản phẩm giấy. Bán buôn hạt nhựa nhựa đường; bán buôn keo dán gỗ; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Bán buôn bê tông nóng. Bán buôn nhựa tổng hợp; Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh PP, PE; Bán buôn nhựa PVC. Bán buôn mực in; bán buôn phân bón; phụ gia thực phẩm; bán buôn viên nén mùn cưa, viên nén mùn khô; bán buôn mút xốp để làm ghế sofa; bán buôn đá vôi, đá dolomite đã sơ chế và tinh chế; bán buôn sản phẩm bảo hộ lao động; bán buôn sản phẩm khác từ gỗ, viên nén gỗ, dăm gỗ	4669
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết : Tổ chức hội thảo, hội nghị, xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
12.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
13.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản (trừ đấu giá tài sản)	6820

14.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng; lập dự án đầu tư. (Theo điều 21 Luật kiến trúc 2019)	7110
15.	Quảng cáo	7310
16.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng, giám sát thi công, khảo sát xây dựng)	7410
18.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710
19.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
20.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón Chi tiết: Hoạt động khai thác muối nitơ, kali hoặc phốt pho tự nhiên (Theo Điều 53 Luật Khoáng sản năm 2010)	0891
21.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
22.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... (Theo Điều 53 Luật Khoáng sản năm 2010)	0899
23.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Cưa, xẻ, bào gỗ	1610
24.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự;	1621
25.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng Chi tiết: - Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong ngành xây dựng, cụ thể: + Rui, mè, xà, dầm, các thanh giằng, + Các khung đỡ mái nhà được làm sẵn bằng gỗ, bằng kim loại nối với nhau và bằng gỗ dán mỏng	1622
26.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất viên nén gỗ, dăm gỗ	1629
27.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2220
28.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
29.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	2592
31.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (Loại trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hoá lỏng khí để vận chuyển)	4933
33.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa (Trừ hoá lỏng khí để vận chuyển)	5022
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh kho bãi)	5210
35.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
36.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển, - Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đầu: dụng cụ máy, thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn.	7730
37.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830
38.	Vệ sinh chung nhà cửa (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8121
39.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
40.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe Chi tiết: Sản xuất chỗ ngồi tàu hỏa.	3020
41.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: - Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ cho văn phòng, phòng làm việc, khách sạn, nhà hàng, nơi công cộng và gia dụng; - Sản xuất ghế xôfa, giường xôfa và bộ xôfa; - Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ trong vườn; - Sản xuất đồ đạc văn phòng bằng gỗ; - Sản xuất đồ đạc nhà bếp bằng gỗ; - Sản xuất tủ gỗ cho máy khâu, tivi...	3100

42.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất bàn chải giấy, quần áo; - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không; - Sản xuất lõi bút chì; - Sản xuất găng tay; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ;	3290
43.	Xây dựng nhà để ở	4101
44.	Xây dựng nhà không để ở	4102
45.	Xây dựng công trình đường sắt (Theo Điều 20 Nghị định 65/2018/NĐ-CP)	4211
46.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
47.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2021/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền nhà nước)	4221
48.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Theo Luật Xây dựng 2014 (sửa đổi bởi Luật Xây dựng sửa đổi 2020)	4222
49.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Theo Điều 59 Luật Viễn thông 2009)	4223
50.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn	4229
51.	Xây dựng công trình thủy (Theo Điều 157 Luật Xây dựng 2014, Điều 95 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)	4291
52.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
53.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo (Theo Điều 157 Luật Xây dựng 2014, Điều 95 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)	4293
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình (văn phòng, chung cư, nhà ở và các công trình khác) từ khởi công đến hoàn thiện.	4299
55.	Phá dỡ (Loại trừ sử dụng chất nổ)	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt dây dẫn và thiết bị điện, Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học;	4321
58.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

